

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (Mã chứng khoán: **LLM**) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất bán niên năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: **LLM**
- Địa chỉ: Số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 38637747 Fax: 024 3863 8104
- Website: <http://www.lilama.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Hợp nhất bán niên năm 2023
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán Hợp nhất).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC Hợp nhất bán niên năm 2023):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC Hợp nhất bán niên năm 2023):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2023 tại đường dẫn: <https://lilama.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

## TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP

Người được ủy quyền Công bố thông tin

### Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét.
- Văn bản giải trình ý kiến ngoại trừ và chênh lệch LNST BCTC bán niên năm 2023 so với cùng kỳ năm trước;



**TÔ PHI SƠN**



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-06
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	07-54
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13-51
Phụ lục số 01: Các khoản Vay ngắn hạn	52-53
Phụ lục số 02: Các khoản Vay dài hạn	54

## TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

#### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

## TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Tổng Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

#### 1. Các vấn đề tại các Công ty con ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

*Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi*

Tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 tại các công ty con của Tổng Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, Công ty Cổ phần Lilama 5 và Công ty Cổ phần Lilama 7 ghi nhận một số khoản phải thu quá hạn thanh toán với tổng giá trị là 50,84 tỷ đồng. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng về đánh giá của Ban Tổng Giám đốc cũng như các tài liệu khác có liên quan về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 của Tổng Công ty.

### *Hàng tồn kho*

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết, tuy nhiên không thể đảm bảo được tính chính xác và tồn thất (nếu có) của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các công ty con của Tổng Công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, Công ty Cổ phần Lilama 5 và Công ty Cổ phần Lilama 7 với tổng số tiền tại thời điểm 01/01/2023 và 30/06/2023 lần lượt là 311,85 tỷ đồng và 308,53 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 của Tổng Công ty.

### *Một số vấn đề khác*

Tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 Công ty con của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Lilama 5 đang phản ánh chi phí phải trả lãi vay đã quá hạn thanh toán với cùng số tiền là 74,01 tỷ đồng và khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn (BIDV) với số tiền 183,38 tỷ đồng. Với các thủ tục soát xét đã thực hiện, Chúng tôi không có cơ sở xác định tính chính xác và đầy đủ của chi phí lãi vay ghi nhận trong kỳ này và các năm trước cũng như sự phù hợp của khoản vay Ngân hàng BIDV của Công ty con này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính" tại thời điểm 01/01/2023 và 30/06/2023 và chỉ tiêu "Chi phí tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 của Tổng Công ty.

Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của số dư các khoản mục phải thu và phải trả tại thời điểm 31/12/2022 tại Công ty con - Công ty Cổ phần Lilama 7 với số tiền lần lượt là 19,81 tỷ đồng và 35,64 tỷ đồng cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Lilama 7 đang trình bày trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 với số tiền lần lượt là 11,12 tỷ đồng và 8,67 tỷ đồng. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thể đánh giá được sự phù hợp của số liệu nêu trên đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 của Tổng Công ty;

### **2. Các vấn đề tại các Công ty liên kết ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Tổng Công ty đang kế toán các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như trình bày tại Thuyết minh số 2.9 - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tuy nhiên, các Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2023 được Tổng Công ty sử dụng để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm Công ty Cổ phần Lilama 45-1, Công ty Cổ phần Lilama 45-3, Công ty Cổ phần Lilama 69-1, Công ty Cổ phần Lilama 69-3, Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama và Công ty Cổ phần Lắp máy Thí nghiệm Cơ điện chưa xử lý các vấn đề kiểm toán viên đơn vị thành viên ngoại trừ trên Báo cáo tài chính tại các đơn vị này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng soát xét thích hợp về các số liệu và các vấn đề ngoại trừ trên báo cáo tài chính của các đơn vị nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết" (Mã số 252 trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ) tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 và Chỉ tiêu "Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết" (Mã số 24 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ) cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 của Tổng Công ty.



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc nội dung sau:

Tại thuyết minh số 2.3 - "Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ", đến thời điểm phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của Chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.051.513.072.783</b>	<b>5.330.719.426.936</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.323.049.970.056	2.600.575.993.302
111	1. Tiền		1.000.765.076.721	1.248.791.099.967
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.322.284.893.335	1.351.784.893.335
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>1.886.237.590.948</b>	<b>1.937.130.886.138</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.238.434.639.082	1.464.920.812.300
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	954.619.704.992	845.722.914.970
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	363.315.331.444	369.258.814.323
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	472.609.619.911	450.834.156.291
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.142.741.704.481)	(1.193.605.811.746)
140	IV. Hàng tồn kho	10	<b>752.074.535.317</b>	<b>737.384.814.937</b>
141	1. Hàng tồn kho		752.074.535.317	737.384.814.937
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		<b>90.150.976.462</b>	<b>55.627.732.559</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	3.450.306.167	1.352.266.949
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		37.420.863.767	14.382.097.237
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	49.279.806.528	39.893.368.373

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>850.458.965.123</b>	<b>872.871.428.381</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>8.826.300.000</b>	<b>8.826.300.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.826.300.000	8.826.300.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>140.735.984.855</b>	<b>148.889.217.238</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	119.800.783.937	127.516.818.342
222	- Nguyên giá		731.595.035.535	732.825.090.289
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(611.794.251.598)	(605.308.271.947)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	4.681.343.871	5.118.541.849
225	- Nguyên giá		6.996.703.636	6.996.703.636
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.315.359.765)	(1.878.161.787)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	16.253.857.047	16.253.857.047
228	- Nguyên giá		18.370.095.231	18.370.095.231
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.116.238.184)	(2.116.238.184)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	15	<b>16.578.069.150</b>	<b>17.730.647.226</b>
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.549.894.370)	(39.397.316.294)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	11	<b>40.956.690.481</b>	<b>40.813.662.754</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		40.956.690.481	40.813.662.754
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>556.618.663.365</b>	<b>577.084.778.728</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		323.139.882.248	343.608.509.587
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.227.056.322	255.227.056.322
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(22.068.275.205)	(22.070.787.181)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		320.000.000	320.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>86.743.257.272</b>	<b>79.526.822.435</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	86.743.257.272	79.473.396.765
269	2. Lợi thế thương mại		-	53.425.670
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.901.972.037.906</b>	<b>6.203.590.855.317</b>

**TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.983.177.249.310</b>	<b>5.223.247.749.154</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.936.923.453.062</b>	<b>5.148.493.096.356</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.605.723.314.373	2.086.359.035.446
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.300.736.963.150	866.164.504.072
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	8.729.587.041	23.223.836.855
314	4. Phải trả người lao động		51.367.597.142	42.215.523.529
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	481.913.393.725	639.303.971.820
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	1.243.993.869	851.718.733
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	271.152.127.868	260.995.300.812
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	1.084.158.982.376	1.120.781.960.877
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	70.425.500.771	48.082.674.744
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		61.471.992.747	60.514.569.468
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>46.253.796.248</b>	<b>74.754.652.798</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	1.588.264.116	1.588.264.113
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	14.672.714.121	14.992.019.851
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	885.246.839	885.246.839
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	2.158.608.388	2.607.003.009
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35	10.482.944.705	7.916.141.798
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	23	16.466.018.079	46.765.977.188
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>918.794.788.596</b>	<b>980.343.106.163</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	25	<b>919.069.281.036</b>	<b>980.617.598.603</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		797.261.040.000	797.261.040.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.126.365.735	1.126.365.735
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(32.374.321.082)	(32.374.321.082)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(10.190.316.525)	(10.769.674.741)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		91.774.510.243	83.788.875.172
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		18.290.851	18.290.851
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		118.719.259.203	174.565.947.786
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		158.151.761.383	199.813.259.693
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		(39.432.502.180)	(25.247.311.907)
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(47.265.547.389)	(32.998.925.118)
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>(274.492.440)</b>	<b>(274.492.440)</b>
431	1. Nguồn kinh phí		(274.492.440)	(274.492.440)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.901.972.037.906</b>	<b>6.203.590.855.317</b>

*Đào*

*Tap*



Lại Việt Tân  
Người lập

Tô Phi Sơn  
Kế toán trưởng

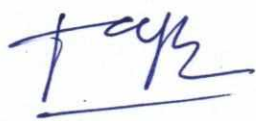
Lê Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.276.983.372.552	1.251.102.637.603
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.276.983.372.552	1.251.102.637.603
11	4. Giá vốn hàng bán	28	1.333.374.835.290	1.174.828.678.082
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(56.391.462.738)	76.273.959.521
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	71.784.450.393	39.158.263.860
22	7. Chi phí tài chính	30	65.202.412.846	63.434.074.409
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		46.169.691.343	50.068.300.595
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(20.468.627.339)	1.164.155.779
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(20.228.068.905)	2.842.653.175
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(50.049.983.625)	50.319.651.576
31	12. Thu nhập khác	32	4.565.911.003	3.273.241.225
32	13. Chi phí khác	33	2.855.728.562	2.784.342.675
40	14. Lợi nhuận khác		1.710.182.441	488.898.550
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(48.339.801.184)	50.808.550.126
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	1.920.848.124	14.962.560.509
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		2.566.802.905	337.409.227
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(52.827.452.213)</u>	<u>35.508.580.390</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(39.432.502.180)	43.747.892.074
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(13.394.950.033)	(8.239.311.684)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(495)	549


Lại Việt Tân  
Người lập

Tô Phi Sơn  
Kế toán trưởngLê Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(48.339.801.184)	50.808.550.126
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.430.378.629	13.253.394.930
03	- Các khoản dự phòng		(58.823.752.323)	(27.410.839.906)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(12.251.957.910)	5.727.304.195
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(32.851.574.050)	(22.669.553.456)
06	- Chi phí lãi vay		46.169.691.343	50.068.300.595
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(94.667.015.495)	69.777.156.484
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		82.317.118.902	969.949.581.698
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(14.689.720.380)	234.906.500.318
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)		(202.503.269.794)	70.918.537.636
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.367.899.725)	12.232.043.837
14	- Tiền lãi vay đã trả		(36.967.191.979)	(35.686.295.259)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.881.191.736)	(29.167.404.660)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		47.941.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.479.062.252)	(9.160.787.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(301.190.291.459)	1.283.769.333.054
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.149.142.500)	(142.063.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		708.370.627	6.232.749.240
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.164.659.332)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.943.482.879	12.060.800.707
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.078.825.783	11.045.836.709
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		49.581.536.789	27.032.663.688
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.509.433.673.506	764.665.212.829
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.545.885.098.828)	(1.198.418.666.449)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(619.947.800)	(1.887.040.698)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.550.250)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(37.077.923.372)	(435.640.494.318)

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(288.686.678.042)	875.161.502.424
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.600.575.993.302	1.228.695.716.313
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.160.654.796	6.839.985.317
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>2.323.049.970.056</u>	<u>2.110.697.204.054</u>

Lại Việt Tân  
Người lậpTô Phi Sơn  
Kế toán trưởngLê Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 797.261.040.000 đồng; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty - Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 1.043 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 756 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là thi công và xây lắp các công trình.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buru điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;



**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng Công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 5	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 7	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế các nhà máy công nghiệp

- Tổng Công ty có các công ty liên kết được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Lilama 10	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 18	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Hải Dương	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Hà Nội	36,18%	36,18%	Thí nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty Cổ phần.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

## TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Công ty TNHH Lilama South East Asia BHD - Công ty con của Tổng Công ty lập báo cáo tài chính theo đồng Đô la Brunei (BND). Với mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 của Tổng Công ty theo luật định tại Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 được lập bằng Đô la Brunei (BND) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 317 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

## 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

## 2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.



Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.10 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.11 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.12 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## **2.13 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

## **2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### **2.15 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.16 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 60 tháng.

### **2.17 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### **2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **2.19 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **2.20 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí hoạt động của Tổng Công ty ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.21 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập tối đa 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## **2.22 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## **2.23 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



#### **2.24 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **2.25 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **2.26 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.27 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Thuế suất thuế TNDN tại Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD được áp dụng theo quy định của nước sở tại.

**2.28 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.29 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.30 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.036.946.757	1.985.091.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	998.728.129.964	1.246.806.008.364
Các khoản tương đương tiền	1.322.284.893.335	1.351.784.893.335
	<b><u>2.323.049.970.056</u></b>	<b><u>2.600.575.993.302</u></b>

Tại 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng với giá trị 1.322.284.893.335 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng hợp đồng.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Trái phiếu	320.000.000	-	320.000.000	-
	<b><u>320.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>320.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	Địa chỉ	30/06/2023			01/01/2023		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND			VND
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	4.563.134.192	36,00%	36,00%	7.259.325.983
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Tỉnh Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	8.467.129.147	40,83%	40,83%	12.544.361.008
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Tỉnh Đồng Nai	35,06%	35,06%	-	35,06%	35,06%	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Thành phố Hà Nội	27,93%	27,93%	30.254.955.649	27,93%	27,93%	30.176.914.969
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Thành phố Hà Nội	36,18%	36,18%	10.024.907.445	36,18%	36,18%	10.413.621.328
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Thành phố Hà Nội	45,45%	45,45%	948.528.940	45,45%	45,45%	959.438.031
- Công ty Cổ phần Lilama 10	Thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	94.014.342.924	36,00%	36,00%	95.953.805.096
- Công ty Cổ phần Lilama 18	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	126.789.274.331	36,00%	36,00%	127.252.412.487
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Tỉnh Bắc Ninh	41,10%	41,10%	19.204.424.674	41,10%	41,10%	30.250.391.874
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Tỉnh Hải Dương	36,00%	36,00%	28.873.184.946	36,00%	36,00%	28.798.238.811
				<b>323.139.882.248</b>			<b>343.608.509.587</b>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã Chứng khoán	30/06/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PVY	19.799.036.703	(19.799.036.703)	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)		2.165.892.592	(31.372.172)	2.165.892.592	(33.884.148)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	HNA	85.696.088.606	-	85.696.088.606	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao		35.716.560.384	-	35.716.560.384	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long		16.169.971.505	(2.237.866.330)	16.169.971.505	(2.237.866.330)
- Công ty Cổ phần BV Invest		92.816.340.337	-	92.816.340.337	-
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama		2.863.166.195	-	2.863.166.195	-
		<b>255.227.056.322</b>	<b>(22.068.275.205)</b>	<b>255.227.056.322</b>	<b>(22.070.787.181)</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít trên sàn chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 và 30/06/2023 của các công ty này là giá trị hợp lý.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	Tỉnh Đà Nẵng	2,00%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Tỉnh Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Tỉnh Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Tỉnh Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Tỉnh Quảng Ngãi	5,64%	5,64%	Xử lý, tái chế chất thải
- Công ty Cổ phần BV Invest	TP. Hà Nội	15,25%	15,25%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>52.511.890.951</b>	<b>(7.838.083.500)</b>	<b>55.297.303.272</b>	<b>(3.652.723.164)</b>
- CTCP Lilama 45.1	14.649.060.851	(4.326.106.542)	14.649.060.851	(140.746.206)
- CTCP Lilama 10	6.081.244.046	-	5.608.220.791	-
- CTCP Lilama 69.3	23.283.552.880	-	23.170.487.637	-
- CTCP Lilama 18	1.090.919.423	-	4.545.937.522	-
- CTCP Lilama 45.4	3.511.976.958	(3.511.976.958)	3.511.976.958	(3.511.976.958)
- CTCP Lilama 45.3	2.682.041.107	-	2.682.041.107	-
- CTCP Lilama 69.1	1.050.978.406	-	1.050.978.406	-
- CTCP BĐS Lilama	4.317.280	-	-	-
- CTCP Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	157.800.000	-	78.600.000	-
<b>Bên khác</b>	<b>1.185.922.748.131</b>	<b>(354.125.546.103)</b>	<b>1.409.623.509.028</b>	<b>(416.288.482.543)</b>
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN	198.282.913.164	-	163.490.754.225	-
- Ban điều hành dự án nhiệt điện Thái Bình 2	332.110.047.698	(218.900.668.631)	367.344.135.007	(271.604.863.316)
- Thyssenkrupp Industrial Solutions BRN SDN BHD	32.249.620.418	-	-	-
- Công ty CP Xi măng Sông Thao	60.559.783.315	(60.559.783.315)	66.510.764.847	(66.510.764.847)
- Công ty CP Xi măng Tân Thắng	37.967.361.316	(18.503.080.326)	50.967.361.316	(25.003.080.326)
- Doosan Heavy Industries Vietnam Co Ltd- Nghị Sơn 2	-	-	144.038.249.082	-
- Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm cho NM thuộc DA NĐ BOT Vân Phong 1	155.151.287.727	-	104.026.370.668	-
- Phải thu khách hàng khác	369.601.734.493	(56.162.013.831)	513.245.873.883	(53.169.774.054)
	<b>1.238.434.639.082</b>	<b>(361.963.629.603)</b>	<b>1.464.920.812.300</b>	<b>(419.941.205.707)</b>

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>44.245.706.784</b>	<b>(6.585.932.693)</b>	<b>51.583.794.060</b>	<b>(3.935.088.816)</b>
- Công ty CP Lilama 45.1	29.888.980.436	(2.650.843.877)	38.742.982.119	-
- Công ty CP Lilama 45.4	11.431.018.327	(3.935.088.816)	11.431.018.327	(3.935.088.816)
- Công ty CP Lilama 45.3	1.409.793.614	-	1.409.793.614	-
- Công ty CP Lilama 69.1	1.515.914.407	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>910.373.998.208</b>	<b>(91.680.372.135)</b>	<b>794.139.120.910</b>	<b>(86.936.450.938)</b>
- Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng	453.752.587.741	-	453.752.587.741	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	46.716.011.731	-	46.716.011.731	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	409.905.398.736	(91.680.372.135)	293.670.521.438	(86.936.450.938)
	<b>954.619.704.992</b>	<b>(98.266.304.828)</b>	<b>845.722.914.970</b>	<b>(90.871.539.754)</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>121.695.323.551</b>	<b>(121.695.323.551)</b>	<b>127.638.806.430</b>	<b>(127.638.806.430)</b>
- Công ty CP Lilama 45.1	96.071.045.096	(96.071.045.096)	102.014.527.975	(102.014.527.975)
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	(25.624.278.455)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
<b>Bên khác</b>	<b>241.620.007.893</b>	<b>(241.620.007.893)</b>	<b>241.620.007.893</b>	<b>(241.620.007.893)</b>
- Công ty CP Lisemco	227.646.699.893	(227.646.699.893)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty CP Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	<b>363.315.331.444</b>	<b>(363.315.331.444)</b>	<b>369.258.814.323</b>	<b>(369.258.814.323)</b>

Bao gồm các khoản cho vay với các đối tác từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức vay tín chấp. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	11.852.015.200	(3.131.988.200)	3.620.445.290	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay <sup>(1)</sup>	267.249.486.173	(261.805.043.753)	261.948.051.104	(256.142.857.109)
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	139.845.378	-
- Tạm ứng	47.165.543.699	-	38.154.648.810	-
- Ký cược, ký quỹ	200.875.102	-	225.738.984	-
- Phải thu tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư <sup>(2)</sup>	41.640.645.456	-	42.872.855.944	-
- Liên danh PECOM-LILAMA (Trạm Kim Xá) <sup>(3)</sup>	1.163.020.269	-	1.803.629.070	-
- Phải thu khác	103.138.034.012	(54.259.406.653)	101.868.941.711	(54.259.406.653)
	<u>472.609.619.911</u>	<u>(319.196.438.606)</u>	<u>450.834.156.291</u>	<u>(313.534.251.962)</u>
a2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>79.393.784.665</i>	<i>(79.381.997.865)</i>	<i>74.235.003.311</i>	<i>(73.719.811.221)</i>
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Công ty CP Lilama 45.1	63.430.372.322	(63.430.372.322)	58.951.191.922	(58.951.191.922)
- Công ty CP Lilama 45.3	12.826.119.943	(12.819.637.343)	11.643.113.699	(11.636.631.099)
- Công ty CP Lilama 10	-	-	4.822.000	-
- Công ty CP Lilama 18	-	-	10.126.200	-
- Công ty CP Lilama 69.1	5.304.200	-	5.304.200	-
- Công ty CP Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	-	-	488.457.090	-



**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**8 . PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>	<i>393.215.835.246</i>	<i>(239.803.152.725)</i>	<i>376.599.152.980</i>	<i>(239.814.440.741)</i>
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	(75.867.468.383)	75.867.468.383	(75.867.468.383)
- Công ty CP LISEMCO	144.066.231.662	(144.066.231.662)	144.224.764.335	(144.066.231.662)
- Hamon Research - Cottrell GmbH <sup>(4)</sup>	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông - Chi nhánh Hà Nội	8.330.407.947	(8.330.407.947)	8.330.407.947	(8.330.407.947)
- Các đối tượng khác	155.164.405.574	(11.539.044.733)	138.389.190.635	(11.550.332.749)
	<u><u>472.609.619.911</u></u>	<u><u>(319.185.150.590)</u></u>	<u><u>450.834.156.291</u></u>	<u><u>(313.534.251.962)</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	8.826.300.000	-	8.826.300.000	-
	<u><u>8.826.300.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>8.826.300.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

<sup>(1)</sup> Khoản phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay chủ yếu của các khoản cho vay của các đối tác được trình bày tại thuyết minh số 07- Phải thu về cho vay ngắn hạn.

<sup>(2)</sup> Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

<sup>(3)</sup> Đây là số tiền Tổng Công ty được phép giải ngân từ tài khoản thanh toán chung (chuyên chi) của Liên danh Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu ("PECOM" - thành viên đứng đầu liên danh) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An được sử dụng để nhận thanh toán từ Chủ đầu tư và thanh toán cho các nhà thầu phụ/chi phí của từng thành viên của liên danh trong cho việc thực hiện gói thầu CW03: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị, xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm Kim Xá và công trình phụ trợ".

<sup>(4)</sup> Khoản tiền Thuế nhập khẩu Tổng Công ty đứng ra trả thay cho Nhà thầu liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, khi quyết toán với Nhà thầu sẽ bù trừ số tiền này với số tiền Tổng Công ty phải trả.

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể
	VND	thu hồi VND	VND	thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	332.110.047.698	113.209.379.067	367.344.135.007	95.739.271.691
- Công ty CP Xi măng Sông Thao	60.559.783.315	-	66.510.764.847	-
- Công ty CP Thủy điện Sông Vàng	14.597.651.580	-	15.097.651.580	-
- Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	9.043.466.795	-
- Công ty CP Xi măng Tân Thắng	37.967.361.316	19.464.280.990	50.967.361.316	25.964.280.990
- Các khoản khác	43.659.772.881	3.300.793.925	34.147.624.826	1.466.245.983
<b>b. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
- Công ty CP Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty CP Lilama 45.1	96.071.045.096	-	102.014.527.975	-
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	-	25.624.278.455	-
- Công ty CP Lisemco	227.646.699.893	-	227.646.699.893	-
<b>c. Phải thu ngắn hạn khác</b>				
- Công ty CP Phú Mỹ Trung Việt	11.128.889.942	-	11.128.889.942	-
- Công ty CP Lisemco	144.066.231.662	-	144.066.231.662	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	-	75.867.468.383	-
- Công ty CP Lilama 45.1	63.430.372.322	-	58.951.191.922	-
- Công ty CP Lilama 45.3	12.819.637.343	-	11.636.631.099	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-
- Các khoản khác	8.751.850.754	-	8.751.850.754	-
<b>d. Ứng trước cho người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty CP Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	27.587.336.645	10.282.285.778	22.343.291.198	10.282.285.778
- Các khoản khác	14.062.818.452	-	17.819.649.512	5.907.550.687
	<u>1.288.998.444.241</u>	<u>146.256.739.760</u>	<u>1.332.965.446.875</u>	<u>139.359.635.129</u>

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.062.244.462	-	3.435.150.083	-
Công cụ, dụng cụ	6.855.730.299	-	5.992.677.435	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	736.244.272.478	-	722.044.699.341	-
Thành phẩm	306.831.250	-	306.831.250	-
Hàng hoá	5.605.456.828	-	5.605.456.828	-
	<b>752.074.535.317</b>	<b>-</b>	<b>737.384.814.937</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết các dự án dở dang:

	30-06-23	01-01-23
	VND	VND
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	387.119.791.717	418.480.846.429
- Nhà máy sản xuất Hydrogen NEOM	70.006.830.000	552.583.985
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2	33.990.277.262	-
- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	17.927.989.566	7.422.846.362
- Nhà máy hóa dầu Long Sơn	-	57.475.030.280
- Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong 1	10.234.356.455	31.043.824.592
- Trạm biến áp 220KV Yên Thủy	-	12.843.699.126
- Các công trình khác	216.965.027.478	194.225.868.567
	<b>736.244.272.478</b>	<b>722.044.699.341</b>

**11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (*)	35.609.189.360	35.609.189.360
- Dự án khu văn phòng Tổng Công ty tại đường vành đai 3 (*)	4.025.382.349	4.025.382.349
- Cải tạo nhà xưởng điều chuyển nhà máy que hàn	1.179.091.045	1.179.091.045
- Dự án khác	143.027.727	-
	<b>40.956.690.481</b>	<b>40.813.662.754</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 192/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, Tổng Công ty được đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương sẽ hoàn trả lại 02 dự án trên, đối với các chi phí đã bỏ ra, Tổng Công ty sẽ làm việc với UBND thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị được hoàn trả lại.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	156.487.220.791	203.492.868.998	356.986.070.793	7.970.138.177	7.888.791.530	732.825.090.289
- Mua trong kỳ	-	1.606.742.500	-	122.400.000	342.000.000	2.071.142.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	(761.113.195)	(1.358.582.454)	(552.940.968)	(628.560.637)	(3.301.197.254)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>156.487.220.791</b>	<b>204.338.498.303</b>	<b>355.627.488.339</b>	<b>7.539.597.209</b>	<b>7.602.230.893</b>	<b>731.595.035.535</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	111.185.495.417	150.421.392.605	329.209.792.555	7.264.527.952	7.227.063.418	605.308.271.947
- Khấu hao trong kỳ	2.184.182.672	2.960.245.274	4.281.149.052	107.559.243	254.040.664	9.787.176.905
- Thanh lý, nhượng bán	-	(761.113.195)	(1.358.582.454)	(552.940.968)	(628.560.637)	(3.301.197.254)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>113.369.678.089</b>	<b>152.620.524.684</b>	<b>332.132.359.153</b>	<b>6.819.146.227</b>	<b>6.852.543.445</b>	<b>611.794.251.598</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	45.301.725.374	53.071.476.393	27.776.278.238	705.610.225	661.728.112	127.516.818.342
Tại ngày cuối kỳ	43.117.542.702	51.717.973.619	23.495.129.186	720.450.982	749.687.448	119.800.783.937

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 378.683.195.813 VND.

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	6.996.703.636
Số dư cuối kỳ	<u>6.996.703.636</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.878.161.787
- Trích khấu hao	437.197.978
Số dư cuối kỳ	<u>2.315.359.765</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	5.118.541.849
Tại ngày cuối kỳ	<u>4.681.343.871</u>

**14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	16.253.857.047	2.116.238.184	18.370.095.231
Số dư cuối kỳ	<u>16.253.857.047</u>	<u>2.116.238.184</u>	<u>18.370.095.231</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	2.116.238.184	2.116.238.184
Số dư cuối kỳ	-	<u>2.116.238.184</u>	<u>2.116.238.184</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	16.253.857.047	-	16.253.857.047
Tại ngày cuối kỳ	<u>16.253.857.047</u>	-	<u>16.253.857.047</u>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.116.238.184 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.116.238.184 VND.

*(\*) Quyền sử dụng đất bao gồm:*

Tại Công ty con - CTCP Lilama 7: Số 06 Hoàng Văn Thụ, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng với giá trị 395.845.835 VND; Địa điểm: Lô C1-9 đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng với giá trị 4.800.000.000 VND; Địa điểm: Tổ dân phố 10, thị trấn Tứ Hạ, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế. với giá trị 460.332.000 VND;

Tại Tổng Công ty: Quyền sử dụng đất tại số 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với giá trị 10.597.679.212 VND.

**15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 VND, khấu hao lũy kế tính đến ngày 30/06/2023 là 40.549.894.370 VND, khấu hao trong kỳ là 1.152.578.076 VND, giá trị còn lại của tài sản là 16.578.069.150 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.753.073.565	309.121.777
Chi phí trả trước dự án Nhiệt điện Vân Phong I	112.500.000	96.806.629
Chi phí trả trước dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	-	8.959.713
Chi phí trả trước dự án Nhà máy Hydrogen NEOM	438.893.486	197.125.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	145.839.116	740.253.830
	<b>3.450.306.167</b>	<b>1.352.266.949</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Vân Phong I	-	7.262.834.878
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.750.222.147	1.530.788.230
Chi phí thuê đất	7.563.623.496	7.719.574.494
Công cụ, vật tư trả trước cho các công trình, dự án khác	14.884.757.441	18.375.865.620
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2	15.212.666.760	2.599.296.272
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	32.929.706.361	36.386.734.528
Chi phí trả trước dài hạn dự án Gia công, Chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị điện phân (Dự án Nhà máy Hydrogen NEOM)	12.832.031.241	3.651.023.175
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.570.249.826	1.947.279.568
	<b>86.743.257.272</b>	<b>79.473.396.765</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>215.186.917.234</b>	<b>215.186.917.234</b>	<b>431.000.735.587</b>	<b>431.000.735.587</b>
- Công ty Cổ phần Lilama 18	120.499.552.544	120.499.552.544	238.581.671.779	238.581.671.779
- Công ty Cổ phần Lilama 10	59.954.740.825	59.954.740.825	131.332.077.316	131.332.077.316
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	21.250.598.709	21.250.598.709	22.509.759.143	22.509.759.143
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	141.800.000	141.800.000	15.789.703.182	15.789.703.182
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	13.340.225.156	13.340.225.156	22.787.524.167	22.787.524.167

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>1.390.536.397.139</b>	<b>1.390.536.397.139</b>	<b>1.655.358.299.859</b>	<b>1.655.358.299.859</b>
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	70.880.967.810	70.880.967.810	135.740.996.273	135.740.996.273
- Babcock & Wilcox Beijing Co., Ltd	106.466.091.042	106.466.091.042	176.872.247.506	176.872.247.506
- Liên doanh Tập đoàn Toshiba và Tập đoàn Sojitz	202.482.633.670	202.482.633.670	202.124.528.961	202.124.528.961
- Viện nghiên cứu cơ khí (NARIME)	9.003.741.998	9.003.741.998	80.831.056.359	80.831.056.359
- Công ty CP Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	87.167.148.802	87.167.148.802	89.709.694.671	89.709.694.671
- Phải trả các đối tượng khác	914.535.813.817	914.535.813.817	970.079.776.089	970.079.776.089
	<b>1.605.723.314.373</b>	<b>1.605.723.314.373</b>	<b>2.086.359.035.446</b>	<b>2.086.359.035.446</b>

**18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Ban Quản lý Dự án điện (*)	508.378.124.007	435.843.255.500
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.777.498.144	40.777.498.144
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	15.614.595.454	16.072.639.158
- Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA (**)	578.098.698.000	209.573.986.178
- Các đối tượng khác	157.868.047.545	163.897.125.092
	<b>1.300.736.963.150</b>	<b>866.164.504.072</b>

(\*) Khoản tạm ứng của Chủ đầu tư là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP cho Tổng Công ty để thực hiện việc huy động nguồn lực và thiết kế theo hợp đồng số 19/2022/NT34-08-PVP&SCT+LLM tháng 03 năm 2022 về thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

(\*\*) Khoản tạm ứng của Nhà thầu chính là Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng số 32017394 ngày 07 tháng 11 năm 2022 liên quan đến dự án gia công chế tạo và tổ hợp các thiết bị điện phân cho Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh tại Ả Rập Xê-út ("Kingdom of Saudi Arabia").

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	19.759.092.780	6.251.017.064	4.610.281.442	11.919.567.684	24.308.981.791	3.491.619.833
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	1.743.892.812	-	2.073.169.963	2.073.169.963	1.743.892.812	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.390.338.013	15.097.376.090	1.920.653.070	19.881.191.736	23.226.917.157	1.973.416.568
Thuế thu nhập cá nhân	-	183.415.445	1.198.256.813	1.181.546.680	-	200.125.578
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.598.747.357	3.919.420.658	3.290.164.213	-	2.228.003.802
Các loại thuế khác	44.768	93.280.899	1.129.840.963	386.670.602	14.768	836.421.260
	<b>39.893.368.373</b>	<b>23.223.836.855</b>	<b>14.851.622.909</b>	<b>38.732.310.878</b>	<b>49.279.806.528</b>	<b>8.729.587.041</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>a) Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
- Chi phí lãi vay	84.622.187.136	80.870.126.346
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	108.832.877.647	108.832.877.647
- Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	50.429.943.568	42.921.214.517
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2	22.571.688.237	7.201.646.682
- Dự án Chế tạo WCGH2	13.936.270.871	-
- Nhà máy sản xuất Hydrogen NEOM	11.006.329.677	-
- Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2	-	44.804.654.834
- Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	-	79.465.294.966
- Dự án Nhiệt điện Vân Phong 1	128.141.738.488	191.236.258.177
- Chi phí phải trả khác	62.372.358.101	83.971.898.651
	<b><u>481.913.393.725</u></b>	<b><u>639.303.971.820</u></b>
<b>b) Chi phí phải trả dài hạn</b>		
- Chi phí công trình Xi măng Bút Sơn	1.588.264.116	1.588.264.113
	<b><u>1.588.264.116</u></b>	<b><u>1.588.264.113</u></b>
<b>c) Trong đó: Bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Lilama 10	29.383.858.079	103.137.022.255
- Công ty Cổ phần Lilama 18	33.012.264.858	38.521.388.644
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	7.937.324.462	7.937.324.462
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.916.088.883	1.916.088.883
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	67.980.939.723	39.342.330.163
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	1.951.047.925	6.562.714.228
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	-	1.108.699.517
	<b><u>142.181.523.930</u></b>	<b><u>198.525.568.152</u></b>

**21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	157.680.000	170.607.273
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất	1.086.313.869	681.111.460
	<b><u>1.243.993.869</u></b>	<b><u>851.718.733</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	14.672.714.121	14.992.019.851
	<b><u>14.672.714.121</u></b>	<b><u>14.992.019.851</u></b>

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**22 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	4.799.563.851	4.813.439.428
- Bảo hiểm xã hội	29.165.810.383	30.522.814.232
- Bảo hiểm y tế	962.000.488	913.616.109
- Bảo hiểm thất nghiệp	219.196.572	153.017.818
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	200.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.100.000	124.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	506.129.090	512.679.340
- Phải trả lãi vay	17.592.306.520	12.141.867.946
- Phải trả tạm ứng cho nhân viên	26.617.389.745	29.887.475.684
- Doosan Heavy Industries & Construction Co.,Ltd	1.278.881.277	1.084.365.940
- Hamon Research-Cottrell GmbH (*)	146.655.774.500	146.396.403.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.030.975.442	34.245.520.815
	<b>271.152.127.868</b>	<b>260.995.300.812</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	885.246.839	885.246.839
	<b>885.246.839</b>	<b>885.246.839</b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Lilama 18	545.541.462	191.216.979
- Công ty Cổ phần Lilama 10	60.846.968	34.435.674
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	-	3.510.720
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	10.188.672	21.379.488
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	-	23.009.415
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	57.018.632	57.018.632
	<b>673.595.734</b>	<b>330.570.908</b>

(\*) Khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ký kết với nhà thầu Hamon Research-Cottrell GmbH (Hamon) theo các gói thầu M05-FGD và M06-ESP với tổng số tiền 6.175.500 USD thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do chưa xác định được đầy đủ nghĩa vụ phải trả cũng như các chi phí có thể phát sinh liên quan đến Hamon, chủ đầu tư và các bên liên quan khác nên Tổng công ty chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng nêu trên. Đồng thời, Tổng Công ty đang theo dõi sát sao tình hình thực hiện thủ tục phá sản, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của Hamon để có các phương án giải quyết phù hợp.

**23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	70.425.500.771	48.082.674.744
	<b>70.425.500.771</b>	<b>48.082.674.744</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	16.466.018.079	46.765.977.188
	<b>16.466.018.079</b>	<b>46.765.977.188</b>

24 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>1.119.578.666.877</b>	<b>1.119.578.666.877</b>	<b>1.509.433.673.506</b>	<b>1.545.885.098.828</b>	<b>1.083.127.241.555</b>	<b>1.083.127.241.555</b>
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP <sup>(1)</sup>	735.813.098.685	735.813.098.685	1.500.900.560.661	1.537.661.376.731	699.052.282.615	699.052.282.615
- Tại Công ty Cổ phần Lilama 7 <sup>(2)</sup>	73.405.313.862	73.405.313.862	4.887.112.845	5.074.222.097	73.218.204.610	73.218.204.610
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama <sup>(3)</sup>	87.756.189.087	87.756.189.087	3.646.000.000	2.942.500.000	88.459.689.087	88.459.689.087
- Tại Công ty Cổ phần Lilama 5 <sup>(4)</sup>	222.604.065.243	222.604.065.243	-	207.000.000	222.397.065.243	222.397.065.243
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>1.203.294.000</b>	<b>1.203.294.000</b>	<b>448.394.621</b>	<b>619.947.800</b>	<b>1.031.740.821</b>	<b>1.031.740.821</b>
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP <sup>(1)</sup>	809.894.004	809.894.004	350.044.602	423.247.802	736.690.804	736.690.804
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama <sup>(3)</sup>	393.399.996	393.399.996	98.350.019	196.699.998	295.050.017	295.050.017
	<b><u>1.120.781.960.877</u></b>	<b><u>1.120.781.960.877</u></b>	<b><u>1.509.882.068.127</u></b>	<b><u>1.546.505.046.628</u></b>	<b><u>1.084.158.982.376</u></b>	<b><u>1.084.158.982.376</u></b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP <sup>(1)</sup>	3.318.546.994	3.318.546.994	-	423.247.802	2.895.299.192	2.895.299.192
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama <sup>(3)</sup>	491.750.015	491.750.015	-	98.350.019	393.399.996	393.399.996
	<b><u>3.810.297.009</u></b>	<b><u>3.810.297.009</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>521.597.821</u></b>	<b><u>3.288.699.188</u></b>	<b><u>3.288.699.188</u></b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.203.294.000)	(1.203.294.000)	(448.394.621)	(521.597.821)	(1.130.090.800)	(1.130.090.800)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b><u>2.607.003.009</u></b>	<b><u>2.607.003.009</u></b>			<b><u>2.158.608.388</u></b>	<b><u>2.158.608.388</u></b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay xem tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	797.261.040.000	1.694.624.230	(32.374.321.082)	(9.525.377.644)	86.487.906.779	18.290.851	211.898.465.556	(3.717.567.457)	1.051.743.061.233
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	43.747.892.074	(8.239.311.684)	35.508.580.390
Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	-	-	-	1.656.010.000	-	(3.987.010.000)	-	(2.331.000.000)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	(5.436.726.187)	-	-	-	(54.915.512)	(5.491.641.699)
Bù đắp lỗ lũy kế từ các quỹ tại Công ty con	-	(568.258.495)	-	-	(4.355.041.607)	-	4.923.300.102	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.158.335.831)	-	(1.158.335.831)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>797.261.040.000</b>	<b>1.126.365.735</b>	<b>(32.374.321.082)</b>	<b>(14.962.103.831)</b>	<b>83.788.875.172</b>	<b>18.290.851</b>	<b>255.424.311.901</b>	<b>(12.011.794.653)</b>	<b>1.078.270.664.093</b>
Số dư đầu năm nay	797.261.040.000	1.126.365.735	(32.374.321.082)	(10.769.674.741)	83.788.875.172	18.290.851	174.565.947.786	(32.998.925.118)	980.617.598.603
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(39.432.502.180)	(13.394.950.033)	(52.827.452.213)
Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	-	-	-	7.985.635.071	-	(14.365.374.611)	-	(6.379.739.540)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con - Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST	-	-	-	-	-	-	-	(398.663.585)	(398.663.585)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	579.358.216	-	-	-	5.850.045	585.208.261
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	(478.858.698)	(478.858.698)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.048.811.792)	-	(2.048.811.792)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>797.261.040.000</b>	<b>1.126.365.735</b>	<b>(32.374.321.082)</b>	<b>(10.190.316.525)</b>	<b>91.774.510.243</b>	<b>18.290.851</b>	<b>118.719.259.203</b>	<b>(47.265.547.389)</b>	<b>919.069.281.036</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 167/NQ-DHĐCĐ ngày 30/06/2023, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Số tiền VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	7.985.635.071
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.040.739.540
Trích Quỹ thương Ban điều hành	339.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 1% vốn điều lệ) (*)	7.972.610.400

(\*) Tại ngày 30/06/2023, Tổng Công ty chưa chốt quyền chi trả cổ tức bằng tiền mặt.

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Cổ đông nhà nước	97,88	780.324.040.000	97,88	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12	16.937.000.000	2,12	16.937.000.000
	<b>100</b>	<b>797.261.040.000</b>	<b>100</b>	<b>797.261.040.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	512.679.340	488.929.340
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(6.550.250)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(6.550.250)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>506.129.090</u>	<u>488.929.340</u>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ Tổng Công ty**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	91.774.510.243	83.788.875.172
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.290.851	18.290.851
	<b>91.792.801.094</b>	<b>83.807.166.023</b>

**26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, diện tích tầng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể;

- Công ty Cổ phần Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại số 179 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm trụ sở Công ty Cổ phần Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 14.867 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty Cổ phần Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm;

- Công ty Cổ phần Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại khu phố số 6, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm nhà máy chế tạo TB và KCT thuộc Công ty Cổ phần Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 26.435,9 m<sup>2</sup>, theo các hợp đồng này, Công ty Cổ phần Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm;

- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ký các hợp đồng thuê đất tại số khu đất số 72E, đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama. Diện tích khu đất thuê là 29.873 m<sup>2</sup>, theo các hợp đồng này, Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama phải trả tiền thuê đất hàng năm (43 năm từ ngày 01/07/2003 đến 01/07/2046).

- Công ty Cổ phần Lilama 7 ký hợp đồng thuê đất tại Lô D, đường số 3, Khu công nghiệp Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng để làm kho với tổng diện tích khu đất thuê là 48.600 m<sup>2</sup> trong thời gian 40 năm (từ ngày 16/10/2007 đến ngày 16/10/2047). Công ty Cổ phần Lilama 7 đã trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	39.450.631,53	49.941.767,21
- Đồng Euro (EUR)	844.858,28	217.915,13
- Đô la Brunei (BND)	269.860,48	24.231,76

0106373  
TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM  
HÀ NỘI - TP. HÀ NỘI

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

c) Nợ khó đòi đã xử lý	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.323.093.592	11.323.093.592
<b>27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>6 tháng đầu năm 2023</b>	<b>6 tháng đầu năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.253.957.365.193	1.210.902.413.877
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.026.007.359	22.546.880.951
Doanh thu bán hàng	-	11.285.162.775
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	-	6.368.180.000
	<b>1.276.983.372.552</b>	<b>1.251.102.637.603</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	10.699.013.258	10.157.262.264
<b>28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>6 tháng đầu năm 2023</b>	<b>6 tháng đầu năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	1.301.981.543.025	1.133.196.775.295
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.393.292.265	32.276.486.548
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	3.958.378.875
Giá vốn hàng hóa bất động sản	-	5.397.037.364
	<b>1.333.374.835.290</b>	<b>1.174.828.678.082</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	513.792.428.883	315.796.999.838
<b>29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>6 tháng đầu năm 2023</b>	<b>6 tháng đầu năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	40.331.403.762	18.198.730.027
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.280.427.000	3.627.819.030
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.920.661.721	17.331.714.803
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	12.251.957.910	-
	<b>71.784.450.393</b>	<b>39.158.263.860</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	9.222.586.644	6.173.658.163

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	46.169.691.343	50.068.300.595
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	15.333.164.346	2.216.532.337
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	5.727.304.195
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(2.051.323.768)	(588.902.111)
Dự phòng lãi cho vay khó đòi	5.662.186.644	6.010.839.133
Chi phí tài chính khác	88.694.281	260
	<b>65.202.412.846</b>	<b>63.434.074.409</b>

**31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.123.179	1.623.956.629
Chi phí nhân công	23.380.613.787	25.895.987.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.913.286.616	2.597.168.334
Thuế, phí, lệ phí	1.887.124.181	866.452.398
Hoàn nhập dự phòng	(56.526.293.909)	(38.780.314.972)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.102.825.650	7.227.440.777
Chi phí khác bằng tiền	3.757.251.591	3.411.962.850
	<b>(20.228.068.905)</b>	<b>2.842.653.175</b>

Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên  
quan*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)*

49.090.909	197.272.727
------------	-------------

**32 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	708.370.627	1.823.539.620
Tiền phạt thu được	849.533.393	-
Thu nhập từ khoản dự phòng phải trả	2.783.731.161	-
Cho thuê máy móc thiết bị công tác, giàn giáo	-	615.543.205
Thu từ bán phế liệu	87.250.909	-
Thu nhập khác	137.024.913	834.158.400
	<b>4.565.911.003</b>	<b>3.273.241.225</b>

Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)*

5.000.000	-
-----------	---



**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**33 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	2.144.691.000
Các khoản bị phạt	611.700.842	626.102.987
Chi phí khác	2.244.027.720	13.548.688
	<b>2.855.728.562</b>	<b>2.784.342.675</b>

**34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	163.420.856	45.059.758
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	1.757.427.268	14.712.635.398
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	-	204.865.353
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>1.920.848.124</b>	<b>14.962.560.509</b>

**35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	10.482.944.705	7.916.141.798
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<b>10.482.944.705</b>	<b>7.916.141.798</b>

**36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(39.432.502.180)	43.747.892.074
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(39.432.502.180)	43.747.892.074
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	79.726.104	79.726.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(495)</b>	<b>549</b>

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.395.335.050	25.610.406.873
Chi phí nhân công	155.825.892.188	137.261.900.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.376.952.959	13.253.394.930
Hoàn nhập dự phòng	(56.526.293.909)	(38.780.314.972)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.586.083.884	118.470.450.779
Chi phí khác bằng tiền	33.475.697.298	49.793.152.444
Chi phí thuê thầu phụ	1.043.357.363.052	715.176.660.168
	<b><u>1.329.491.030.522</u></b>	<b><u>1.020.785.650.280</u></b>

**38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.321.013.023.299	-	-	2.321.013.023.299
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.029.884.190.784	8.826.300.000	-	1.038.710.490.784
Các khoản cho vay	363.315.331.444	-	-	363.315.331.444
	<u>3.714.212.545.527</u>	<u>8.826.300.000</u>	<u>-</u>	<u>3.723.038.845.527</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.598.590.901.699	-	-	2.598.590.901.699
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.182.279.510.922	8.826.300.000	-	1.191.105.810.922
Các khoản cho vay	369.258.814.323	-	-	369.258.814.323
	<u>4.150.129.226.944</u>	<u>8.826.300.000</u>	<u>-</u>	<u>4.158.955.526.944</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTPC**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Vay và nợ	1.084.158.982.376	2.158.608.388	-	1.086.317.590.764
Phải trả người bán, phải trả khác	1.876.875.442.241	885.246.839	-	1.877.760.689.080
Chi phí phải trả	481.913.393.725	1.588.264.116	-	483.501.657.841
	<b>3.442.947.818.342</b>	<b>4.632.119.343</b>	<b>-</b>	<b>3.447.579.937.685</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	1.120.781.960.877	2.607.003.009	-	1.123.388.963.886
Phải trả người bán, phải trả khác	2.347.354.336.258	885.246.839	-	2.348.239.583.097
Chi phí phải trả	639.303.971.820	1.588.264.113	-	640.892.235.933
	<b>4.107.440.268.955</b>	<b>5.080.513.961</b>	<b>-</b>	<b>4.112.520.782.916</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Tổng Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết

Và các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc - Chi tiết tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc.

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10.699.013.258</b>	<b>10.157.262.264</b>
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	80.451.325	18.006.458
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	80.904.000	79.833.600
Công ty Cổ phần Lilama 10	1.238.990.191	464.516.128
Công ty Cổ phần Lilama 18	5.970.447.887	6.381.720.686
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	2.702.961.283	915.645.917
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	625.258.572	2.297.539.475
<b>Mua hàng</b>	<b>513.792.428.883</b>	<b>315.796.999.838</b>
Công ty Cổ phần Lilama 10	228.974.432.074	71.124.385.749
Công ty Cổ phần Lilama 18	237.235.593.232	178.828.435.081
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	10.379.525.000	1.198.334.262
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	12.450.404.444	49.257.744.383
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	7.154.629.571	8.396.177.380
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	17.597.844.562	6.991.922.983
<b>Lãi cho vay, lãi trả chậm</b>	<b>5.662.186.644</b>	<b>6.010.839.133</b>
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	4.479.180.400	4.827.832.889
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.183.006.244	1.183.006.244
<b>Cổ tức được chia</b>	<b>3.560.400.000</b>	<b>162.819.030</b>
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.560.400.000	-
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	-	162.819.030
<b>Thu nhập khác từ phạt sự cố các Nhà thầu phụ</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Lilama 10	5.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Hội đồng quản trị	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
		VND	VND
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	258.000.000	258.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Ban Tổng Giám đốc	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	240.000.000	240.000.000
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc	-	128.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	192.000.000	192.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	192.000.000	192.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	192.000.000	192.000.000
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 25/07/2022	192.000.000	-
Ban Kiểm soát	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	180.000.000	180.000.000
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Tổng Công ty.

**41 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.


Lại Việt Tân  
Người lập

Tô Phi Sơn  
Kế toán trưởngLê Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

## PHỤ LỤC 1 : VAY NGẮN HẠN

Tham chiếu	STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2023 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP <sup>(1)</sup>	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I theo hợp đồng tín dụng số 03/2022/518/HĐTDHM/SD ngày 30/03/2022	4.200.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 29/05/2026	275.673.746.968	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đối với Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/518/HĐTDHM ngày 30/03/2023	2.600.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 29/03/2024	282.906.147.449	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp; không bao gồm việc cấp tín dụng cho Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
	3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2023/518/HĐTD ngày 30/03/2023	200.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 31/03/2024	3.014.380.500	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
	4	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 110/2023/HĐTD/PHG ngày 16/05/2023	1.300.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	12 tháng	40.995.122.101	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, thanh toán chi phí thi công đối với công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1	Không có tài sản đảm bảo
	5	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 112/2023/HĐTD/PHG ngày 16/05/2023	600.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	12 tháng	73.607.712.208	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, thanh toán chi phí thi công đối với công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
	6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023/HĐCVTL/NHCT320-LILAMA44 ngày 02/02/2023	280.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	Thời hạn giải ngân đến hết ngày 26/10/2025	11.221.267.742	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
	7	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023/HĐCVTL/NHCT320-LILAMA44 ngày 02/02/2023	260.000.000.000	Được xác định theo từng Giấy nhận nợ	Thời hạn giải ngân đến hết ngày 26/10/2025	11.633.905.647	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Tham chiếu	STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2023 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Lilama 7 <sup>(2)</sup>	1	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng: Hợp đồng tín dụng hạn mức 26.07/2021/HĐTD ngày 26/7/2021	60.000.000.000	Lãi suất vay trong kỳ từ 8,02% /năm - 11,13%/năm	Được xác định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	37.064.824.760	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0002.2110/09/BĐ ngày 21/10/2009 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (trụ sở) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 258698 do UBND TP.Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2006, cùng với một số tài sản, máy móc thiết bị khác của Công ty.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2000-LAV-202001397 ngày 13/11/2020 và phụ lục số 2501/ PLHDTD/2000-LAV-20201397	40.000.000.000	Lãi suất vay trong kỳ từ 8%/năm - 9,5%/năm	Được xác nhận cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận trên từng giấy nhận nợ	36.153.379.850	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số BA 406654, BA 406651, BA 406653, BA 406652 do UBND huyện Hương Trà cấp ngày 17/08/2020.
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama <sup>(3)</sup>	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	120.000.000.000	Lãi suất được quy định cụ thể tại Giấy nhận nợ	Được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ	88.459.689.087	Thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp công trình	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
Công ty Cổ phần Lilama 5 <sup>(4)</sup>	1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng cho vay từng lần số 18910307/2018-HĐCVTL/NHCT422-LILAMA ngày 6/7/2018	8.200.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 09 tháng Đã quá hạn thanh toán	5.558.523.200	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện HĐKT số 01/XL3-LLS ngày 12/12/2017 - thi công xây dựng nhà máy nghiền xi măng, nhà nén khí, dự án xi măng Bim Sơn.	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng tín dụng số 50201/2017-HĐTD/NHCT422-LONGPHU1 ngày 28/02/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	09 tháng Đã quá hạn thanh toán	8.253.852.129	Thanh toán chi phí dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng cho vay từng lần số 17881509/2017-HĐCVTL/NHCT422-PHUTHO ngày 18/09/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 09 tháng Đã quá hạn thanh toán	25.416.637.766	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện gói thầu xây lắp trạm biến áp 220kv Phú Thọ	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/295277/HĐTD ngày 28/12/2018	197.224.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	12 tháng Đã quá hạn thanh toán	183.168.052.148	Bổ sung vốn lưu động	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
<b>Tổng cộng</b>						<b>1.083.127.241.555</b>		





PHỤ LỤC 2 : VAY DÀI HẠN

Tham chiếu	Ngân hàng - Số hợp đồng	Tài sản thuê	Thời hạn thuê (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 30/06/2023 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP <sup>(1)</sup>	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21718000077/HĐCTTC ngày 20/07/2018	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay	36.601.602	36.601.602
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000309/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ Ngày Nhận Nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với Biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và Biên độ là 2,9%	583.104.370	142.801.066
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000308/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ Ngày Nhận Nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với Biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và Biên độ là 2,9%	1.137.796.610	278.644.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000310/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ Ngày Nhận Nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với Biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và Biên độ là 2,9%	1.137.796.610	278.644.068
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama <sup>(3)</sup>	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Xe tải thùng có gắn cầu trục 15 tấn	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh 6 tháng/ 1lần, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 4,5 tháng/ năm	393.399.996	393.399.996
<b>Tổng cộng</b>					<b>3.288.699.188</b>	<b>1.130.090.800</b>

